

Bản án số: 216/2020/HC-PT  
Ngày : 22 - 6 - 2020  
V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính về đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên  
*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn  
Ông Nguyễn Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vãng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 268/2020/TLPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 989/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Phạm Văn C, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: C03 đường tỉnh lộ 822, khu vực X2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn T, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: số 42 đường x12, ấp C, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Lê Trường C1 – Phó chủ tịch UBND huyện Đ (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Bà Nguyễn Thị Bé B – Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ (có mặt)

**- Người làm chứng**

1. Bà Ngô Thị T1, sinh năm: 1930 (có mặt)

Địa chỉ: số B184, khu vực x3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Bùi Văn T2, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Trần Văn X, sinh năm: 1945. (có mặt)

Địa chỉ: số B185, khu vực x3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là ông Trần Văn L2 - Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019 và đơn kiện bổ sung ngày 04/3/2019, người khởi kiện do ông Phạm Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông Phạm Văn C thuê của nhà nước phần đất sản xuất nông nghiệp diện tích 5.316m<sup>2</sup> (loại đất lúa) thuộc các thửa 65 và 100 từ năm 1989. Ngoài ra, ông C có sử dụng phần đất diện tích 649m<sup>2</sup>, thuộc thửa 125, tờ bản đồ số 6, tọa lạc số C3, đường tỉnh lộ 822, khu vực X2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Phần đất này nguồn gốc ông C mua của bà T1 và sử dụng từ năm 1983 đến nay. Tháng 6 năm 2018, UBND tỉnh Long An có phê duyệt dự án tạo quỹ đất sạch trên địa bàn thị trấn H, trong đó ông C bị thu hồi toàn bộ 6.164m<sup>2</sup>, bao gồm luôn cả phần 649m<sup>2</sup> đất nêu trên. Ngày 26/9/2018, ông C có nhận được Quyết định số 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Đ về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất đối với diện tích toàn bộ 6.164m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ông C không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 649m<sup>2</sup> mà ông C sử dụng từ năm 1983 đến nay. Ông C cũng không được các chế độ khác về hỗ trợ nghề nghiệp và ổn định đời sống và tái định cư nên ông C không đồng ý và khiếu nại. Ngày 03/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 8612/QĐ-UBND nội dung giữ nguyên Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018, bác đơn khiếu nại của ông C. Do đó, ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ: Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Đ; Quyết định số 8612/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ để xem xét bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông C đối với diện tích 649m<sup>2</sup>, xem xét hỗ trợ các chi phí hỗ trợ đất, tài sản trên đất, chi phí di dời, chuyển đổi ngành nghề và tái định cư đúng theo quy định vì đất ông C đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

***\* Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Đ có văn bản số 1945/UBND-NC ngày 18/4/2019 trình bày:***

Ngày 01/01/2018, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đối với dự án tạo quỹ đất sạch trên địa bàn thị trấn H, huyện Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An làm chủ đầu tư.

Ngày 08/6/2018, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường mía đường H tại thị trấn H cho

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An. Ngày 07/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 4851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (đợt 1) đối với dự án cải tạo quỹ đất sạch trên địa bàn thị trấn H, huyện Đ. Ngày 19/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 5449/QĐ-UBND về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất đối với ông Phạm Văn C với số tiền là 1.426.566.000đ. Ông C khiếu nại nên ngày 03/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 8612/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông C. Ngày 24/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 9789/QĐ-UBND thay thế Quyết định 8612/QĐ-UBND nội dung bác đơn khiếu nại của ông C. Việc ông C khởi kiện là không đúng vì phần đất 649m<sup>2</sup> thuộc đất của nông trường mía H. Ông C có ký khế ước đối với Phòng Tài chính huyện Đ năm 1989 thuê đất thời hạn 07 năm diện tích 5.316m<sup>2</sup>. Do khi lập khế ước chỉ đo tay nên có sự chênh lệch về diện tích. Theo bản đồ 299 thì thể hiện phần đất của ông C thuộc Nông trường mía H. Trường hợp đất ông C không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật đất đai. Do đó, các chế độ khác về đất ông C yêu cầu đều không được xem xét giải quyết.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định như sau:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 82 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết của Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Hủy một phần Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với Điều 1 (mục I/3 và mục III/. Các khoản hỗ trợ) của bảng chiết tính kèm theo Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018.

Hủy Quyết định số 8612/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 và hủy Quyết định 9789/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C.

UBND huyện Đ có trách nhiệm ban hành quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn C đối với diện tích 649m<sup>2</sup> thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 06 và hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho ông Phạm Văn C đúng theo quy định pháp luật.

UBND huyện Đ có trách nhiệm giải quyết chế độ hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Phạm Văn C đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi đúng theo quy định pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận giữa UBND huyện Đ và ông Phạm Văn C về việc xem xét bố trí nền tái định cư: UBND huyện Đ có trách nhiệm bố trí nền tái định cư cho ông Phạm Văn C theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc xem xét giá hỗ trợ xây dựng nhà ở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 9 năm 2019, ông Trần Văn L2 - Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo gồm:

- Phần đất thuộc thửa 125 tờ bản đồ số 6 loại đất CDK tọa lạc Khu vực X2, thị trấn H mà ông C đang khiếu kiện là phần đất nằm trong Khế ước mà Nhà nước đã ký với ông Phạm Văn C vào năm 1989. Thời điểm ký khế ước không có đo đạc bằng máy móc, chỉ đo bằng cây sào nên có sự chênh lệch diện tích (tăng 649m<sup>2</sup>) so với khế ước đã ký.

- Thời điểm 1983, bà T1 chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có giấy tờ thể hiện bà T1 là chủ sử dụng đất nên việc mua bán giữa bà T1 và ông C là không có cơ sở. Vì vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận định 649m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 125 là do ông C mua của bà T1 là không đúng và không có căn cứ pháp luật.

- Lời khai của các nhân chứng gồm ông Trần Ngọc L3, ông Lê Văn H1, ông Nguyễn Văn H2 đều xác nhận đây là đất Nông trường mía H do Nhà nước quản lý.

- Theo tờ khai quá trình sử dụng đất vào năm 2006, ông C đã khai thửa đất 125 tờ bản đồ số 6 diện tích 649m<sup>2</sup> có nguồn gốc sử dụng là từ khế ước.

*Phản tranh luận:*

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:* Phần đất ông C đang khiếu kiện là thuộc dự án cải tạo quỹ đất sạch. Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện việc kê biên, hỗ trợ người có tài sản trên đất, các hộ dân ảnh hưởng đều đồng tình và đồng ý nhận tiền hỗ trợ. Thời điểm 2018, dự án này có 189 hộ bị ảnh hưởng, các hộ đều bàn giao đất do đây là đất do Nhà nước quản lý. Người làm chứng ông Trần Văn X là dân tập kết, không phải dân địa phương, không nắm rõ nguồn gốc phần đất ông C đang khởi kiện.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:* Nguồn gốc diện tích 649m<sup>2</sup> nằm ngoài khế ước mà ông C thuê, phần đất này ông C mua

của bà T1, sử dụng ổn định có nhà từ năm 1983, có hộ khẩu, không ai ngăn cản, không ai tranh chấp quyền sử dụng đất, ông C đóng thuế, có tên trong sổ địa chính, công khai sử dụng liên tục, ông C hoàn toàn đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy nên phải được xem xét giải quyết bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Liên quan đến vấn đề ông X là người tập kết nên không biết rõ được nguồn gốc đất của ông C thì người khởi kiện không đồng ý, bởi lẽ quan trọng là ông X biết được rõ ràng việc sử dụng đất của ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn kháng cáo của người bị kiện

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Nguồn gốc diện tích đất 649m<sup>2</sup> theo Biên bản xác minh ngày 16/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định năm 1989 là nông trường ký khế ước với ông C, trong đó có thửa 125, diện tích 649m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, là loại đất trồng mía, trong quá trình sử dụng ông C tự san cấp, xây nhà ở, chăn nuôi trên thửa 125. Bản khế ước giao đất năm 1989 thể hiện đất giao cho ông C và đất nông trường mía có phía đông giáp tỉnh lộ 7, như vậy diện tích đất 649m<sup>2</sup> ông C sử dụng do thời điểm ký khế ước không đo đạc đầy đủ dẫn đến chênh lệch diện tích. Ông T2, bà T1 xác nhận diện tích đất này có trước thời điểm lập khế ước, không nằm trong diện tích đất của nông trường, ông C sử dụng ổn định trước khi luật đất đai năm 1987 có hiệu lực, được nhà nước thu thuế, có biên lai nộp thuế từ năm 2012 đến năm 2018. Tuy nhiên tại Biên lai nộp thuế không thể hiện thửa đất nộp thuế là 649m<sup>2</sup> mà diện tích là 658m<sup>2</sup>. Mặt khác, tại sổ mục kê thể hiện diện tích đất này là đất chuyên dụng, không có chủ sử dụng nên không có cơ sở khẳng định đây là đất của ông C. Ông T2, bà T1 cũng không có căn cứ xác định đất này của ông C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Ngày 19/6/2018 UBND huyện Đ ban hành quyết định 5449/QĐ-UBND về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất đối với diện tích 6.164 m<sup>2</sup>, nhưng không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 649 m<sup>2</sup>, không được các chế độ khác về hỗ trợ nghề nghiệp và ổn định đời sống,

tái định cư. Ông C cho rằng phần diện tích này là do ông nhận chuyển nhượng của bà T1, sử dụng ổn định từ năm 1983 nên không đồng ý quyết định 5449/QĐ-UBND. Sau khi ông C khiếu nại, ngày 03/12/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định 8612/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên quyết định 5449/QĐ-UBND. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Đ; Quyết định số 8612/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ để xem xét bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông C đối với diện tích 649m<sup>2</sup>, xem xét hỗ trợ các chi phí hỗ trợ đất, tài sản trên đất, chi phí di dời, chuyển đổi ngành nghề và tái định cư đúng theo quy định vì đất ông C đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bị kiện cho rằng phần diện tích 649 m<sup>2</sup> thuộc đất của nông trường mía H nên trường hợp của ông C không đủ điều kiện bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai. Do đó, UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bản án sơ thẩm đã nhận định:

[3.1] Theo khế ước năm 1989 giữa ông Phạm Văn C với Phòng Tài chính huyện Đ thì ông C thuê diện tích đất 5.316 m<sup>2</sup>, trong thời hạn 7 năm. Theo bản đồ 299 thì phần đất của ông C thuộc Nông trường mía H. Người bị kiện cho rằng 649 m<sup>2</sup> nằm trong diện tích mà ông C đã thuê theo khế ước năm 1989. Do khi lập khế ước chỉ đo tay nên có sự chênh lệch về diện tích.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm những người làm chứng như bà Ngô Thị T1, ông Bùi Văn T2 và ông Trần Văn X xác định khu vực ông C cất nhà trước giải phóng là khu áp chiến lược của chế độ cũ gom dân, nên sau giải phóng có người vẫn tiếp tục ở trên đất và có người đi nơi khác. Những hộ dân này sinh sống trước khi thành lập nông trường mía H. Phần đất ông C cất nhà có nguồn gốc của ông T2 để lại cho bà T1 và bà T1 giao lại cho ông C cất nhà từ năm 1983. Nội dung khế ước 1989 ghi rõ diện tích 5.316 m<sup>2</sup>, không thể hiện diện tích 649 m<sup>2</sup>. UBND huyện Đ cho rằng do việc đo đạc khi lập khế ước không chính xác nên diện tích đất thực tế lớn hơn diện tích đất ghi trong khế ước nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, có cơ sở xác định diện tích 649 m<sup>2</sup> ông C đã cất nhà và sử dụng trước khi lập khế ước, đã sử dụng ổn định trước Luật đất đai 1987, được nhà nước thu thuế đất ở đô thị (có biên lai nộp thuế do ông C cung cấp thể hiện từ năm 2012 đến năm 2018) nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và được bồi thường khi thu hồi đất theo quy định của luật đất đai.

[3.2] Ông C đủ điều kiện bồi thường khi bị thu hồi đất và thực tế ông C phải di dời nhà ở nhưng UBND huyện Đ không hỗ trợ di dời theo Điều 5 Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh Long An là thiếu sót. Căn cứ quy định tại Điều 13 của Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 và Điều 5 Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh Long An thì UBND huyện Đ phải giải quyết theo quy định đối với việc phải tháo dỡ, di

chuyển toàn bộ nhà, đủ điều kiện bồi thường thì mức hỗ trợ theo từng loại nhà kiên cố, bán kiên cố hoặc nhà tạm. Do đó, yêu cầu của ông Phạm Văn C về yêu cầu hỗ trợ di chuyển chỗ ở là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Ngày 19/6/2019 UBND huyện Đ đã có văn bản 4921/UBND-HĐBT giải quyết chế độ tái định cư cho ông C. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đồng ý với nội dung văn bản 4921 nên công nhận sự đối thoại thành về phần này giữa các bên đương sự.

[3.4] Căn cứ theo Quyết định 56/2017 ngày 31/10/2017 và Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Long An thì mức giá 4.517.760 đồng/m<sup>2</sup> mà UBND huyện Đ đã áp dụng cho ông C là phù hợp, nên không chấp nhận yêu cầu của ông C yêu cầu bồi thường nhà với giá 7.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

[3.5] Khế ước năm 1989 có thời hạn 7 năm. Sau khi hết hạn khế ước năm 1996 thì Nhà nước không ký tiếp khế ước nào khác, cũng không quyết định thu hồi mà vẫn tiếp tục giao cho ông C canh tác nông nghiệp, ông C chỉ sử dụng vào mục đích sản xuất đất nông nghiệp và canh tác liên tục đến thời điểm thu hồi là 2018 nên ông C phải được xem xét theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 và Điều 20 Nghị định 47 năm 2014 của Chính phủ. UBND huyện Đ không xem xét hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, yêu cầu được hỗ trợ ổn định sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp của ông C là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, hủy các quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Đ; Quyết định số 8612/QĐ-UBND ngày 03/12/2018; quyết định số 9789/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ, yêu cầu của UBND huyện Đ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông C theo đúng quy định pháp luật; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về xem xét giá hỗ trợ xây dựng nhà ở.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án đã nhận định và phán quyết đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định thêm: Tại văn bản số 255/CAH ngày 01/8/2018 của công an huyện Đ về việc trả lời kết quả trích lục tàng thư hộ khẩu (BL 43) thể hiện: “*Bà Hồ Thị G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An từ ngày 08/9/1986, là chủ hộ. Đến ngày 17/5/1996 ông Phạm Văn C chuyển đến hộ bà G, quan hệ với chủ hộ: Chồng*”, nội dung này phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng bà Ngô Thị T1, ông Bùi Văn T2, ông Trần Văn X xác định gia đình ông C đã sử dụng và cất nhà ở tại phần đất có diện tích 649 m<sup>2</sup> từ năm 1983, trước khi thành lập nông trường H vào năm 1989. Ngoài ra, người bị kiện cho rằng do đo đạc bằng tay nên có chênh lệch giữa diện tích thực tế so với diện tích ghi trong khế ước, nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh, không nêu ra cụ thể là diện tích bị chênh lệch như thế nào, ở vị trí tứ cận nào. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là phù hợp quy định pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, ông C chỉ yêu cầu hủy 02 quyết định 5449/QĐ-UBND và 8612/QĐ-UBND. Nhưng quyết định 9789/QĐ-UBND là quyết định thay thế quyết định 8612/QĐ-UBND, có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện 5449 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy cả quyết định 9789/QĐ-UBND là có căn cứ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 24/12/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định 9789/QĐ-UBND thay thế quyết định 8612/QĐ-UBND ngày 03/12/2018, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông C, giữ nguyên quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Đ. Do quyết định 8612/QĐ-UBND không còn tồn tại nên không cần thiết phải tuyên hủy quyết định 8612/QĐ-UBND.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng có điều chỉnh tại phần quyết định về việc không cần thiết tuyên hủy quyết định 8612/QĐ-UBND ngày 03/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Hủy một phần Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với Điều 1 (mục I/3 và mục III/. Các khoản hỗ trợ) của bảng chiết tính kèm theo Quyết định 5449/QĐ-UBND ngày 19/6/2018.

Hủy Quyết định 9789/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm ban hành quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn C đối với diện tích 649m<sup>2</sup> thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 06 và hỗ trợ di chuyển chỗ ở cho ông Phạm Văn C đúng theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm giải quyết chế độ hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Phạm Văn C đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi đúng theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm bố trí nền tái định cư cho ông Phạm Văn C theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc xem xét giá hỗ trợ xây dựng nhà ở.



II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000597 ngày 27/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**